

Số: **542** /KH-UBND

Đắk Nông, ngày **22** tháng 9 năm 2022



KẾ HOẠCH

Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Thực hiện Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và biểu mẫu báo cáo.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xác định và lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 trên phạm vi toàn tỉnh để làm căn cứ xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện chương trình mục tiêu, chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội, hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội khác trong năm 2023 và giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

Việc rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chính quyền, sự tham gia của các cấp hội, đoàn thể và của người dân; phải được thực hiện đúng quy trình, đúng tiến độ về thời gian; đảm bảo tính chính xác theo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ; kết quả rà soát phải phản ánh đúng thực tế tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương và đời sống của

Nhân dân; tránh tình trạng chạy theo chỉ tiêu, thành tích, phản ánh sai lệch thực tế về tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc thoát nghèo. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể và cộng đồng dân cư chịu trách nhiệm chính trong việc điều tra, rà soát và tính chính xác kết quả hộ nghèo, hộ cận nghèo.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tiêu chí

Áp dụng theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

*** Mức chuẩn hộ nghèo**

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

*** Mức chuẩn hộ cận nghèo**

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

*** Mức chuẩn hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình**

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000đồng đến 2.250.000đồng.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000đồng đến 3.000.000đồng.

2. Đối tượng, phạm vi rà soát

2.1. Đối tượng rà soát

- Là toàn bộ hộ gia đình nằm trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo kết quả điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2021 do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đang quản lý.

- Một số hộ gia đình không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 nhưng đối chiếu theo các tiêu chí, quy định, hộ gia đình hoặc địa phương chủ động phát hiện thấy hộ gia đình có khả năng rơi vào diện rà soát theo chuẩn nghèo, hướng dẫn hộ gia đình làm Giấy đề nghị xét duyệt hộ nghèo, hộ cận nghèo.

2.2. Phạm vi rà soát

Thực hiện tại 71 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Khu vực thành thị: Các thị trấn, phường của huyện, thành phố.
- Khu vực nông thôn: Các xã còn lại của huyện, thành phố.

3. Phương pháp rà soát

- Sử dụng phương pháp khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo phù hợp với chuẩn nghèo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

- Phương pháp xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập hộ gia đình.

4. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp và lâm nghiệp có mức sống trung bình

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 và Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021.

5. Thời gian rà soát, xác định và tổng hợp, báo cáo kết quả

5.1. Đối với rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức tập huấn về phương pháp, công cụ và quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cho Ban Chỉ đạo cấp huyện, Ban Chỉ đạo cấp xã và điều tra viên thôn, buôn, tổ dân phố.

- Thời gian ghi thông tin trên phiếu rà soát tại thời điểm từ ngày 25/9/2022.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kiểm tra, xử lý và tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát sơ bộ trước ngày 10/11/2022 và báo cáo chính thức kết quả rà soát trước ngày 01/12/2022 về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo kết quả điều tra, rà soát trước ngày 10/12/2022 về Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trước ngày 20/12/2022 về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

5.2. Đối với rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên: Thời gian rà soát: Mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng.

5.3. Xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình: Thời gian xác định: Thực hiện từ ngày 15 hằng tháng.

5.4. Phúc tra kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo: Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có ý kiến khiếu nại của người dân và kết quả rà soát chưa phản ánh đúng thực tế của địa phương; Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo các cấp tổ chức phúc tra lại kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, thông báo công khai để Nhân dân biết, trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

6. Kinh phí rà soát

6.1. Đối với cấp tỉnh: Sử dụng kinh phí được bố trí trong dự toán ngân sách năm 2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để triển khai tổ chức tập huấn, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022.

6.2. Đối với cấp huyện

Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm bố trí, sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách của địa phương được bố trí trong năm 2022 để triển khai, thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo 2022, với các nội dung sau:

- In tài liệu, biểu mẫu phục vụ rà soát.
- Hỗ trợ cho điều tra viên thực hiện rà soát.
- Chi công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát.
- Chi hỗ trợ làm thêm giờ.
- Tổng hợp số liệu báo cáo.
- Chi in sổ theo dõi, quản lý biến động hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- Chi in giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.
- Chi nhập dữ liệu phần mềm quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- Chi công tác tổng kết, khen thưởng.

6.3. Mức chi

- Hỗ trợ rà soát viên: Tùy theo tình hình thực tế nhưng tối thiểu là 10.000đồng/phiếu B; 3.000đồng/hộ/phiếu A (là những hộ không thuộc diện điều tra Phiếu B).

- Hỗ trợ kiểm tra tổng hợp, báo cáo các cấp 2.000đồng/phiếu B, trong đó:
 - + Cấp tỉnh: 500đồng/phiếu B.
 - + Cấp huyện: 500đồng/phiếu B.
 - + Cấp xã: 1.000đồng/phiếu B.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo rà soát cấp tỉnh: chủ trì tham mưu triển khai, hướng dẫn thực hiện Kế hoạch này.

- Thống nhất mẫu biểu thực hiện điều tra trên địa bàn tỉnh.
- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn phương pháp, nghiệp vụ ghi phiếu điều tra và tổng hợp biểu mẫu cho Ban Chỉ đạo cấp huyện, Ban Chỉ đạo cấp xã và điều tra viên.
- Triệu tập tổ chuyên viên giúp việc để phối hợp hướng dẫn điều tra, giám sát tại các địa phương.
- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo đúng quy trình và đúng thời hạn quy định.
- Kiểm tra và tổ chức phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp huyện, cấp xã trong trường hợp thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc có đơn thư khiếu nại.
- Tổng hợp số liệu, phân tích và báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022.
- Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

2. Cục Thống kê tỉnh

- Phối hợp, cung cấp cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các thông tin, số liệu liên quan đến cuộc điều tra, rà soát để làm cơ sở tính tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu sau điều tra.
- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các ngành liên quan trong quá trình triển khai thực hiện và kiểm tra, giám sát hoạt động rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính: Phối hợp, hướng dẫn các địa phương trong việc bảo đảm kinh phí thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2022.

4. Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương trong việc tổng hợp, báo cáo về hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình.

5. Các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp chỉ đạo việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

6. Thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh: Thực hiện các nhiệm vụ theo Thông báo số 57/TB-BCĐ ngày 15/9/2021 của Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo về việc phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư

nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2021-2025; chủ động bám sát địa bàn được phân công phụ trách để chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 trên địa bàn tỉnh theo quy định.

7. Đài phát thanh và Truyền hình Đắk Nông, Báo Đắk Nông

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền và của người dân về tầm quan trọng, mục đích ý nghĩa của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

8. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên

Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên các cấp tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp và lâm nghiệp có mức sống trung bình cấp huyện; chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, bố trí lực lượng rà soát viên cấp xã, thôn, buôn, bon, bản, khu dân cư.

- Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 bảo đảm công khai, dân chủ, có sự tham gia của các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân; chống bệnh thành tích, quan liêu, không phản ánh đúng thực trạng nghèo của địa phương, cơ sở.

- Tổ chức thẩm định và phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 của các xã, phường, thị trấn; trường hợp thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, tổ chức phúc tra trước khi phê duyệt kết quả rà soát; chịu trách nhiệm về tiến độ, kết quả điều tra xác định hộ nghèo đối với các xã, phường, thị trấn trên địa bàn.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

+ Thành lập Ban Chỉ đạo cấp xã, xây dựng kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

+ Phổ biến tuyên truyền mục đích ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022.

+ Tổ chức lực lượng tham gia công tác rà soát và chỉ đạo thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 trên địa bàn theo đúng quy trình, đúng thời gian quy định.

+ Tổng hợp, phân loại và lập danh sách chi tiết các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo... gửi cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Khi có ý kiến thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và tổ chức cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Tổng hợp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát cận nghèo báo cáo theo biểu mẫu theo quy định về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, các đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện./

Nơi nhận:

- Bộ LĐ-TB&XH;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo;
- Thành viên BCD rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh (theo QĐ số 1474/QĐ-UBND ngày 06/9/2021);
- Các Sở, Ban, ngành;
- Cục Thống kê tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH Đắk Nông;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, KGVX(Hp).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tôn Thị Ngọc Hạnh